



CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM (FRECO VIETNAM CORPORATION)

Trụ sở chính (Headquarter): Số 2823 tòa C2 D'capitale đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (84-24) 3351 6789

Fax: (84-24) 3215 1628

Website: freco.com.vn

Email: info@freco.com.vn

Số: 05/2025/CBTT

Thành phố Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2025

No. 05/2025/CBTT

Ha Noi City, 01 April, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

To: *State Securities Commission of Vietnam*

Ha Noi Stock Exchange (HNX)

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM**

Name of organization: FRECO VIETNAM CORPORATION

Mã chứng khoán: TAB

Stock code: TAB

Địa chỉ: Số 2823 tòa C2 D'capitale đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address: No 2823 C2 D'Capitale Building, Tran Duy Hung Street, Trung Hoa Ward, Cau Giay District, Ha Noi City, Viet Nam.

Điện thoại liên hệ/Tel: (84-24) 3351 6789

Fax: (84-24) 3215 1628

Website: freco.com.vn

Email: info@freco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

Công ty Cổ phần Freco Việt Nam công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024/*Freco Vietnam Corporation discloses 2024 Annual Report*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 01/4/2025 tại đường dẫn <https://freco.com.vn>. /*This information was disclosed on the Company's website on 01 April 2025 at https://freco.com.vn.*



Nội dung dịch sang Tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung Tiếng Việt. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung Tiếng Việt và nội dung Tiếng Anh, nội dung Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng/ The translation is for information purpose only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2024/*2024 Annual Report;*
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024/*Audited financial statements for the fiscal year ending December 31, 2024.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Person authorized to disclose information



ĐẶNG TIẾN SỸ



Nội dung dịch sang Tiếng Anh chỉ sử dụng cho mục đích thông tin và không dùng thay thế cho nội dung Tiếng Việt. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung Tiếng Việt và nội dung Tiếng Anh, nội dung Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng/ The translation is for information purpose only and is not a substitute for the official policy. In case of any discrepancy between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version shall prevail.

Số: 01/2025/BCTN

Thành phố Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;

Các cổ đông của Công ty Cổ phần Freco Việt Nam

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.: 0107005554
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 76.650.298.538 đồng
- Địa chỉ/Address: Số 2823 tòa C2 D'capitale đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3351 6789 Fax: (84-24) 3215 1628
- Website: freco.com.vn Email: info@freco.com.vn
- Mã cổ phiếu: TAB
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + **Ngày 25/09/2015:** Thành lập Công ty cổ phần Freco Việt Nam có địa chỉ trụ sở chính tại Số 26 Phố Đặng Dung, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ ban đầu là 2,666 tỷ đồng. Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh dịch vụ logistics. Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh các sản phẩm thiết bị xe cơ giới, thép nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ xây lắp công trình cơ điện lạnh.
 - + **Ngày 23/05/2016:** Công ty được chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải thường theo Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 2824/GPKDVT do Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hà Nội cấp ngày 23/05/2016.
 - + **Ngày 22/06/2018:** Công ty được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép bưu chính số 241/GP-BTTTT ngày 22/06/2018. Theo đó, Công ty được phép cung ứng dịch vụ thư có địa chỉ nhận có khối lượng đơn chiếc đến 2kg trong phạm vi liên tỉnh (63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương).
 - + **Tháng 06/2021:** Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 33,0 tỷ đồng.
 - + **Tháng 12/2023:** Công ty hoàn tất chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, tăng vốn điều lệ lên 65,0 tỷ đồng.

- + **Tháng 9/2024:** Công ty CP Freco Việt Nam được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 27/9/2024, cổ phiếu Công ty CP Freco Việt Nam chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UpCom.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

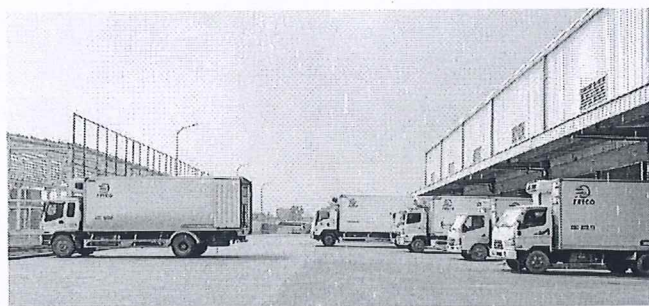
2.1 Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Freco Việt Nam hoạt động trong các lĩnh vực chính: (i) Dịch vụ Logistics, (ii) Sản xuất và kinh doanh điện năng mặt trời và (iii) Kinh doanh thương mại gồm máy móc thiết bị - xe cơ giới, thiết bị cơ điện lạnh, thép nguyên vật liệu, vật liệu xây dựng khác....

2.1.1 Dịch vụ Logistics (Freco Logistics)

Công ty Cổ phần Freco Việt Nam là đơn vị chuyên cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa - chủ yếu là vận tải hàng hóa đường bộ, dịch vụ kho bãi và các dịch vụ khác nằm trong chuỗi dịch vụ logistics trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Ngày 23/05/2016, Công ty đã được Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hà Nội cấp giấy phép số 2824/GPKDVT về việc đủ điều kiện kinh doanh hợp pháp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe tải thường.

Hình ảnh Dịch vụ Logistics được cung cấp bởi Công ty



Bên cạnh dịch vụ vận tải và kho bãi thông thường, Công ty còn cung cấp “Giải pháp giữ lạnh cho vận tải hàng hóa”. Đây là dịch vụ vận chuyển bảo quản các loại hàng hóa đông lạnh bằng xe tải chuyên dụng cho các đối tác hoạt động trong các lĩnh vực nông sản, thủy - hải sản, thực phẩm ... Hoạt động vận tải hàng hóa đông lạnh của Công ty luôn hướng đến sự tin tưởng, hài lòng của khách hàng trong các dịch vụ cung cấp, đảm bảo an toàn cho hàng hóa trong các quy trình vận chuyển – giao nhận – xếp dỡ hàng hóa đông lạnh. Đến nay, với nhiều năm kinh nghiệm cung cấp dịch vụ vận tải hàng đông lạnh ở thị trường Hà Nội và thị trường trong nước, Công ty Cổ phần Freco Việt Nam đã góp phần không nhỏ nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh cho các khách hàng trên cả nước.

Danh sách khách hàng lớn sử dụng dịch vụ vận tải của Công ty Cổ phần Freco Việt Nam

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	DỊCH VỤ CUNG CẤP
1	Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế (IDP)	Vận chuyển thực phẩm, đồ uống
2	Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch vụ MDT	Vận chuyển giống nông sản
3	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Vận tải ACC	Vận chuyển giống nông sản

Nguồn: TAB

2.1.2 Sản xuất và kinh doanh điện năng lượng mặt trời

a). Hệ thống điện năng lượng mặt trời tại Khu công nghiệp Agtex Long Bình, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Thông tin về Hệ thống điện mặt trời mái nhà:

- Vị trí: tại nhà xưởng Công ty TNHH Thực phẩm Long Sơn tọa lạc tại Khu công nghiệp Agtex, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Trạm MBA của hệ thống điện mặt trời mái nhà MW1 được cấp điện từ nguồn 22Kv, máy biến áp ba pha 1000kVA - 22/0,4kV đã lắp đặt tại vị trí và thể hiện trên bản vẽ mặt bằng, đấu nối tại trụ 13 tuyến 479 philip. Hệ thống điện mặt trời mái nhà MW1 được lắp tại vị trí nhà xưởng 1 và 1 phần mái của nhà xưởng 2 với công suất 997,11 kWp.
- Trạm MBA của hệ thống điện mặt trời mái nhà MW2 được cấp điện từ nguồn 22Kv, máy biến áp ba pha 1000kVA - 22/0,4kV đã lắp đặt tại vị trí và thể hiện trên bản vẽ mặt bằng, đấu nối tại trụ 13 tuyến 479 philip. Hệ thống điện mặt trời mái nhà MW2 được lắp tại vị trí nhà xưởng 3,4 và 1 phần nhà xưởng 2 với công suất 1008,87 kWp.
- Hai trạm MBA cho 2 hệ thống điện mặt trời mái nhà MW1 & MW2 hoà lưới được lắp đặt mới.
- Hệ thống nối đất chống sét: có
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy: có

Thông số của hệ thống điện mặt trời mái nhà	MW1	MW2
Tổng số pin 440Wp/445Wp	2.265	2.265
Số tấm pin điển hình trong dãy	15	15
Số chuỗi	151	151
Số Inverter 110kW	9	9
Trạm MBA 1000kVA và tủ hạ thế LV 0,4kV	1	1

b). Hệ thống điện mặt trời áp mái Solar Đồng Tháp

Địa điểm lắp đặt: Nhà xưởng Gạo - Vinarice

Địa chỉ: Vinarice - Cụm CN Trường Xuân - Xã Trường Xuân - Huyện Tháp Mười - Tỉnh Đồng Tháp

Công suất lắp đặt: 1,231 kWp

STT	Danh mục TB	ĐV	Số lượng
1	Tủ điện AC-SOLAR 1600A	Tủ	1
2	Tấm pin NLMT hiệu JA-415	Tấm	2050
3	Tấm pin NLMT hiệu JA-445	Tấm	256
4	Tấm pin NLMT hiệu JA-450	Tấm	592
5	Inverter hiệu HUAWEI-SUM2000-100KTL	Bộ	10
6	Hệ thống Camera giám sát	Hệ	1

c). Hệ thống điện mặt trời áp mái VinaSorla Việt nam

Địa điểm lắp đặt: Nhà xưởng Giồng - Vinarice

Địa chỉ: Vinarice - Cụm CN Trường Xuân - Xã Trường Xuân - Huyện Tháp Mười - Tỉnh Đồng Tháp

Công suất lắp đặt: 1,232 kWp

STT	Danh mục TB	ĐV	Số lượng
1	Tủ điện AC-SOLAR 1600A	Tủ	1
2	Tấm pin NLMT hiệu JA-415	Tấm	2403
3	Tấm pin NLMT hiệu JA-445	Tấm	528
4	Inverter hiệu HUAWEI-SUM2000-100KTL	Bộ	10
5	Hệ thống Camera giám sát	Hệ	1

2.1.3 Hoạt động Kinh doanh thương mại

Kinh doanh thiết bị - xe cơ giới: Năm 2021, Công ty Cổ phần Freco Việt Nam chính thức trở thành đại lý phân phối ủy quyền tại Việt Nam dòng sản phẩm xe tải hạng nặng thương hiệu HOWO, HOHAN, CIMC, CNHTC. HOWO, HOHAN, CIMC, CNHTC là dòng sản phẩm cao cấp của các tập đoàn, công ty hàng đầu về sản xuất xe tải hạng nặng có uy tín hàng đầu tại Trung Quốc. Sản phẩm của Công ty Cổ phần Freco Việt Nam rất phong phú và đa dạng với các dòng xe tải hạng nặng như xe tải ben, xe tải thùng, xe đầu kéo, sơ mi romooc, xe trộn bê tông, các dòng xe chuyên dụng.... Chất lượng của sản phẩm đã được khẳng định trên thị trường kèm theo doanh số bán xe không ngừng tăng lên, cho thấy sự yêu mến và tin tưởng của quý khách hàng dành cho Công ty

Hình ảnh hoạt động kinh doanh thiết bị - xe cơ giới của Công ty



2.1.4 Hoạt động Kinh doanh vật liệu đá, cấp phối xây dựng

Công ty Cổ phần Freco Việt Nam là đơn vị chuyên kinh doanh các loại vật liệu đá xây dựng, cấp phối móng, đáp ứng nhu cầu vật xây dựng tại địa phương và các công trình trọng điểm quốc gia xây dựng trên địa bàn.



2.1.5 Cung cấp thiết bị cơ điện lạnh

Công ty Cổ phần Freco Việt Nam cung cấp thiết bị cho công trình hạ tầng cơ điện, công trình điện lạnh và thông gió, công trình cấp thoát nước. Công ty Cổ phần Freco Việt Nam đã thực hiện rất nhiều công trình trên khắp mọi miền đất nước luôn đảm bảo tiến độ, chất lượng và giá cả cạnh tranh.

Một số công trình có sự tham gia của Công ty Cổ phần Freco Việt Nam



- Tên công trình: Khách sạn Heritage Hạ Long - Vinacomin
- Thời gian thực hiện: 2017
- Hạng mục thực hiện: hệ thống điều hòa thông gió



- Tên công trình: Trụ sở Công ty Cổ phần Than Nam Mấu
- Thời gian thực hiện: 2020
- Hạng mục thực hiện: hệ thống điều hòa thông gió



- Tên công trình: Trung tâm gia công thép Citicom Hải Phòng - Công ty TNHH Citicom Hải Phòng
- Thời gian thực hiện: 2017
- Hạng mục thực hiện: hệ thống điện nhà máy Citicom



- Tên công trình: Công ty Cổ phần Ô tô Nam Cường
- Thời gian thực hiện: 2019
- Hạng mục thực hiện: hệ thống điện ngoài nhà, điều hòa thông gió



- Tên công trình: Công ty Cổ phần In Tài chính
- Thời gian thực hiện: 2020-2021
- Hạng mục thực hiện: hệ thống điện động lực, điện chiếu sáng, điều hòa thông gió



- Tên công trình: A&T Sky Garden – Bình Dương
- Thời gian thực hiện: 2025-2026
- Hạng mục thực hiện: hệ thống điện động lực, điện chiếu sáng, điều hòa thông gió



- Tên công trình: Trường mầm non và Trường tiểu học tại Dự án Sunny Garden City - Quốc Oai
- Thời gian thực hiện: 2024-2025
- Hạng mục thực hiện: hệ thống điện động lực, điện chiếu sáng, điều hòa thông gió

2.2 Địa bàn kinh doanh

Hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

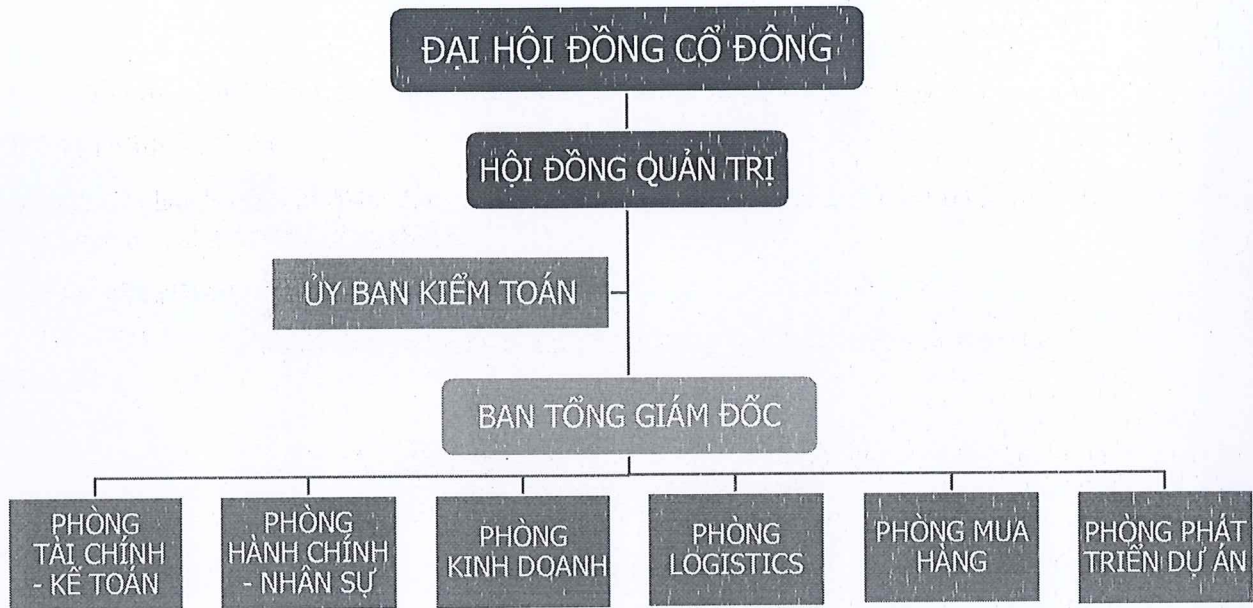
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Freco Việt Nam đang áp dụng theo mô hình tổ chức quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Freco Việt Nam



Nguồn: TAB

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ủy ban kiểm toán: Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, kiểm tra tính đầy đủ và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, lập kế hoạch hoạt động kiểm toán nội bộ hàng năm căn cứ vào kế hoạch chiến lược và dài hạn, các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc.

Phòng Tài chính - Kế toán:

- Theo dõi, phản ánh sự lưu chuyển nguồn vốn kinh doanh của Công ty và tư vấn cho Ban lãnh đạo về các vấn đề liên quan đảm bảo việc luân chuyển vốn, sử dụng vốn của Công ty hiệu quả;
- Kiểm tra, tính toán, phân tích tài chính các hợp đồng, dự án của Công ty;
- Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo tài chính trước Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cơ quan hữu quan, theo dõi phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tài chính năm, kế hoạch trung và dài hạn của Công ty trình Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc phê duyệt;
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ kế toán qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh, tổ chức công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán phù hợp với công tác tổ chức sản xuất kinh doanh theo yêu cầu tồn tại và phát triển của Công ty;
- Tổ chức ghi chép, hạch toán kế toán, lập BCTC phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh và báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời kết quả kiểm kê tài sản từng kỳ, đề xuất xử lý các khoản hao hụt, mất mát, hư hỏng (nếu có);
- Cung cấp các báo cáo kế toán, thống kê và báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Lập, tổng hợp đầy đủ và gửi đúng hạn hệ thống báo cáo tài chính, thống kê và quyết toán tài chính của Công ty theo chế độ quy định cho Lãnh đạo công ty, các bộ phận liên quan và các cơ quan hữu quan.
- Nghiên cứu các chế độ chính sách trong lĩnh vực thuế, tài chính, thống kê...nhằm đưa ra cách thức thực hiện phù hợp;
- Tổ chức phổ biến và hướng dẫn kịp thời các chế độ tài chính, kế toán, thống kê hiện hành cho nội bộ phận cũng như các bộ phận liên quan;
- Bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán và hồ sơ liên quan của Công ty theo đúng quy định
- Thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của bộ phận theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc

Phòng Hành chính - Nhân sự:

- Tổ chức xây dựng, kiện toàn các quy định về công tác văn thư, lưu trữ, sử dụng con dấu của Công ty;
- Tiếp nhận các loại công văn vào sổ công văn đi và đến, trình ký hồ sơ theo thẩm quyền của Ban lãnh đạo Công ty; chuyển công văn, văn bản, báo chí, báo cáo đến các bộ phận liên quan;
- Đảm bảo công tác hậu cần của Công ty như lễ tân, khánh tiết, văn phòng phẩm, đặt vé máy bay, khách sạn, sử dụng điện thoại... và thực hiện thủ tục hành chính cho Công ty;
- Tổ chức các cuộc họp theo yêu cầu của Công ty, các sự kiện hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của Công ty;
- Thực hiện mua sắm, cấp phát và giám sát sử dụng văn phòng phẩm, trang thiết bị văn phòng cho văn phòng Công ty;
- Thực hiện công tác an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ trong văn phòng Công ty;
- Nghiên cứu và đề xuất cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành, hoạch định nguồn nhân lực nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Chủ trì, xây dựng, cập nhật chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị; quản lý hệ thống chức danh theo mô hình tổ chức; hệ thống bản mô tả, tiêu chuẩn công việc và thiết lập lộ trình phát triển nghề nghiệp cho các nhóm chức danh công việc;
- Lập kế hoạch và thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động;
- Đánh giá, phân tích tình hình chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ nhân viên, xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá công tác thi đua khen thưởng, lập các báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu.
- Thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của bộ phận theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc

Phòng Kinh doanh:

- Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện và nghị quyết, quyết định của HĐQT về công tác định hướng kế hoạch kinh doanh cũng như định hướng khách hàng;
- Trực tiếp triển khai các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch và mục tiêu đề ra;
- Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc nắm bắt kịp thời thông tin về chiến lược phát triển kinh tế, xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn về sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu mà HĐQT đã đề ra;
- Nghiên cứu, phát triển thị trường, thường xuyên nắm vững thông tin về thị trường, tổ chức thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty

Phòng Logistics:

- Phòng Vận tải là phòng nghiệp vụ trực thuộc cơ cấu tổ chức của Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc tổ chức quản lý điều hành hoạt động vận tải hàng hóa hàng hóa, phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty; kiểm soát kỹ thuật phương tiện vận chuyển và nhân viên lái xe đảm bảo duy trì hoạt động vận tải an toàn, ổn định.
- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các phương tiện vận tải, thiết bị của Công ty và phương tiện vận tải, thiết bị cho khách hàng bao gồm cả phương tiện vận tải, thiết bị trong danh mục hàng hóa, tài sản cố định, thiết bị làm dịch vụ;
- Theo dõi lý lịch của toàn bộ phương tiện vận tải bao gồm: bảo dưỡng, sửa chữa... lưu trữ hồ sơ thiết bị;
- Quản lý sử dụng, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty;
- Nghiên cứu xây dựng kế hoạch, phương án đổi mới công nghệ, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu của Công ty;
- Đảm bảo việc quản lý, vận hành, sửa chữa bảo dưỡng toàn bộ máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của công ty và của khách hàng.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và giáo dục đạo đức nghề nghiệp, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ: Hàng tháng tổ chức đào tạo định kỳ về an ninh, an toàn, văn bản pháp luật liên quan đến trật tự an toàn giao thông
- Thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của bộ phận theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

Phòng Mua hàng:

- Xây dựng kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư, mua bảo hiểm máy các loại;
- Tìm kiếm, liên hệ nhà cung cấp lấy báo giá và đề xuất lựa chọn nhà cung cấp phù hợp;
- Lập, quản lý đơn hàng, soạn thảo và đàm phán hợp đồng;
- Theo dõi tiến độ giao hàng, giải quyết thủ tục thanh quyết toán cho nhà cung cấp, trực tiếp liên lạc với nhà cung cấp giải quyết các vấn đề phát sinh;
- Cung cấp thông tin giá cả thị trường các loại vật tư, nguyên vật liệu, dịch vụ cho các phòng ban có liên quan;
- Lập báo cáo định kỳ hoặc đột xuất, tổ chức đánh giá nhà cung cấp, phát triển nhà cung cấp tiềm năng;
- Phối hợp với các phòng ban trong công tác thanh lý tài sản, vật tư, công cụ dụng cụ, theo dõi và thu hồi công nợ trong phạm vi liên quan.

Phòng Phát triển dự án:

- Tìm hiểu, nghiên cứu, khảo sát và xin chủ trương thực hiện các dự án;
- Hợp tác phát triển dự án;
- Tư vấn quản lý dự án;
- Thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách, các quy định của pháp luật liên quan đến việc triển khai thực hiện các dự án của Công ty để tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác triển khai, phát triển dự án.
- Lập dự án, quản lý và điều hành các dự án đầu tư từ khi dự án được hình thành đến khi dự án được bàn giao khai thác.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024, Công ty Cổ phần Freco Việt Nam có 02 công ty liên kết :

a). Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam

- Mã số doanh nghiệp: 0109336255
- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa N02, GoldSeason, số 47 đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số lượng cổ phần Freco nắm: 1.220.000 cổ phần, tương ứng với 48,61% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam

b). Cổ phần Vinasolar Đồng Tháp

- Mã số doanh nghiệp: 0109336304
- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa N02, GoldSeason, số 47 đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số lượng cổ phần Freco nắm: 335.000 cổ phần, tương ứng với 47,18% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Solar Đồng Tháp.

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Năm 2025 được coi là thời điểm "tăng tốc và bứt phá" để đạt mục tiêu cả nhiệm kỳ 2020-2025, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ có nhiều thuận lợi từ. Chính phủ đặt mục tiêu phấn đấu tốc độ tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% - 10%. Chính phủ Việt Nam đã có những giải pháp tương đối toàn diện. Tích cực thúc đẩy, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cắt giảm các điều kiện kinh doanh và kiểm tra chuyên ngành không phù hợp, tăng cường đối thoại với các hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp để nhanh chóng khắc phục khó khăn. Thúc đẩy đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các dự án chất lượng cao, các dự án có giá trị lớn trong các lĩnh vực và ngành nghề mà Việt Nam khuyến khích phát triển. Đầu tư hạ tầng, đầu tư công tiếp tục được chú trọng để lan tỏa sang đầu tư ngoài nhà nước.

Nhận thấy những cơ hội và thách thức, TAB đã tiến hành tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm hoàn thiện bộ máy, đáp ứng được những nhu cầu tăng trưởng trong tương lai. Công ty xác định sẽ tiếp tục theo đuổi mô hình kinh doanh đa ngành. Cụ thể, giữ vững và tăng cường vị thế đối với các mảng kinh doanh chiến lược hiện hữu, đồng thời tìm kiếm cơ hội, mở rộng hoạt động kinh doanh với các ngành, nghề tiềm năng và phù hợp với xu hướng chung của nền kinh tế.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển trung hạn:

- + Đầu tư và phát triển hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà, thủy điện đem lại nguồn thu bền vững lâu dài cũng như lợi nhuận tốt phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng về phát triển năng lượng tái tạo.
- + Phát triển ngành nghề khoáng sản với việc mua/ góp vốn lại các mỏ vật liệu xây dựng là chủ lực và cốt lõi của công ty trong tương lai gần.
- + Giữ vững và gia tăng vị thế trên thị trường với ngành nghề chính là vận tải.
- + Công ty tập trung đầu tư các lĩnh vực chính có chọn lọc phục vụ cho sản xuất kinh doanh hiện tại và mục tiêu lâu dài.
- + Thực hiện đúng các quy định của pháp luật của nhà nước đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Chiến lược phát triển dài hạn:

- + Đầu tư phát triển năng lượng tái tạo
- + Khai thác, chế biến khoáng sản là ngành kinh doanh trọng yếu chủ lực đồng thời là điều kiện để tích lũy và phát triển kinh doanh các lĩnh vực khác.
- + Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư/cụm công nghiệp/ khu công nghiệp phục vụ các nhà đầu tư nước ngoài và cũng là tiền đề cho phát triển năng lượng tái tạo kèm theo.
- + Phát triển kinh doanh thi công Cơ điện. Kinh tế Việt Nam đang phát triển, điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư phát triển các công trình nhà ở cao tầng, trung tâm thương mại hay các công trình công nghiệp phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Đây là những cơ sở quan trọng tạo đà và các điều kiện để phát triển ngành cơ điện.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Mục tiêu bền vững của công ty gắn liền với môi trường xã hội và cộng đồng được định hướng xuyên suốt trong mục tiêu chiến lược trung hạn và dài hạn là phát triển năng lượng tái tạo và khai khoáng phục vụ môi trường, xã hội và cộng đồng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 - 2024

Đơn vị: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	2023	2024	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	103.929	96.415	-7,23%
2	Doanh thu thuần	95.944	82.083	-14,45%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.185	4.880	53,20%
4	Lợi nhuận khác	91	365	297,38%
5	Lợi nhuận trước thuế	3.277	5.245	60,05%
6	Lợi nhuận sau thuế	2.541	4.202	65,33%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-
8	Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Trong năm 2024, nền kinh tế toàn cầu đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức đã tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế trong nước. Bên cạnh đó, những biến động trên thị trường bất động sản và chứng khoán cũng tác động đến tâm lý của người tiêu dùng. Những yếu tố kể trên khiến sức mua trong nước suy yếu, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, đơn hàng sụt giảm. Doanh thu năm 2024 của Công ty do đó sụt giảm nhẹ về mức 82 tỷ đồng, giảm 14% so với cùng kỳ và chỉ đạt 68% so với kế hoạch đề ra. Tuy vậy, những quý cuối năm ghi nhận số lượng đơn hàng dần có chuyển biến tích cực cho thấy triển vọng phục hồi trong năm 2024. Bên cạnh đó, nhờ động thái tái cấu trúc trong năm, Freco đã cải thiện được biên lợi nhuận gộp từ mức 5,7% năm 2023 lên mức 6,4% năm 2024. Qua đó giúp lợi nhuận sau thuế xấp xỉ đạt kế hoạch đề ra, đạt 4,2 tỷ đồng, tăng 65% so với cùng kỳ, bất chấp sự sụt giảm của doanh thu.

5.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu hoạt động	Kế hoạch Năm 2024	Thực hiện Năm 2024	TH 2024/KH 2024
Doanh thu thuần	119.994	82.083	68,40%
Lợi nhuận sau thuế	4.858	4.202	86,50%

Nguồn: TAB

Trong năm 2024, tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, thách thức đã trực tiếp tác động lên nhu cầu tiêu dùng trong nước. Bên cạnh đó, những biến động trên thị trường tài chính và bất động sản cũng góp phần khiến người dân và các doanh nghiệp cắt giảm chi tiêu, hạn chế đầu tư các dự án và mua sắm thiết bị. Chính vì nhu cầu tiêu thụ chậm, số lượng các công trình dân dụng được khởi công còn ít trong khi nguồn cung thép nguyên vật liệu từ Trung Quốc giá rẻ được đẩy vào thị trường khiến giá bán thép trong nước liên tục giảm sâu, doanh thu mảng nguyên vật liệu thép vốn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu suy giảm trong nửa đầu năm. Bên cạnh đó, thủ tục kiểm định xuất nhập khẩu xe vận tải phức tạp, kéo dài đã ảnh hưởng tiêu cực đến mảng kinh doanh thiết bị xe cơ giới. Do những yếu tố khách quan kể trên, công ty chưa hoàn thành được đúng kế hoạch doanh thu đề ra trong năm 2024. Nhận định được vấn đề này, HĐQT và Ban Điều Hành đã có 1 số giải pháp dịch chuyển định hướng kinh doanh kịp thời. Tuy doanh thu chưa đạt kỳ vọng kế hoạch năm 2024 (hoàn thành 68%) nhưng nhờ khả năng nắm bắt thời cơ, lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn đạt so với yêu cầu.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Nguyễn Việt Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	936.000	14,40%
2	Phan Văn Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	-	-
3	Đặng Tiến Sỹ	Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	-
4	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-	-
5	Trần Thị Việt Anh	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, Thành viên Ủy ban kiểm toán	150.000	2,31%

Ông Nguyễn Việt Hưng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và Tên: Nguyễn Việt Hưng
- Ngày tháng năm sinh: 02/07/1978 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Tín dụng
- Quá trình công tác:

Từ 07/2001 đến 2008: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Điện lực và Hạ Tầng Việt Nam - Tổng Công ty Ứng dụng Công nghệ mới và Du lịch
Chuyên viên Tài chính kế toán

Từ 2009 đến 08/2015: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Điện lực và Hạ Tầng Việt Nam (PIDI)
Phó phòng Tài chính kế toán

Từ 09/2015 đến 01/2016: Công ty Cổ phần Freco Việt Nam
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Từ 02/2016 đến 11/2021: Công ty Cổ phần Freco Việt Nam
Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

Từ 12/2021 đến nay: Công ty Cổ phần Freco Việt Nam
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Phan Văn Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và Tên: Phan Văn Hùng
- Ngày tháng năm sinh: 04/11/1983 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Từ 03/2004 đến 06/2005: Trưởng Nhóm kỹ thuật – Công ty TNHH Trí Việt

Từ 05/2005 đến 06/2007: Trưởng phòng CNTT – Công ty TNHH Alcan Việt Nam (Alumina Canada _ Dự Án G3 Project)

Từ 08/2007 đến 01/2009: Chuyên viên giải pháp - Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT

Từ 03/2009 đến 11/2009: Nhân Viên Kỹ Thuật – Tập đoàn viễn thông quân đội (Viettel)- CN Huế

Từ 11/2009 đến 05/2017: Trưởng Phòng Kỹ Thuật – Tập đoàn viễn thông quân đội (Viettel) - Chi nhánh Huế

Từ 05/2017 đến 08/2020: Giám Đốc Viettel Thành phố Huế - Tập đoàn viễn thông quân đội

Từ 09/2020 đến 08/2023: Phó Giám Đốc - Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Minh Đức

Từ 09/2023 đến nay: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Freco Việt Nam

Ông Đặng Tiến Sỹ - Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và Tên: Đặng Tiến Sỹ
- Ngày tháng năm sinh: 11/07/1981 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:

Từ 2006 đến 2007: Quản lý - Tên tổ chức: Công ty Yabashi Việt Nam

Từ 2007 đến 2012: Giám đốc dự án - Tên tổ chức: Công ty Liên doanh Vina Stone

06/2018 đến 05/2019: Thành viên Ban kiểm soát công ty CRC

Từ 2012 đến 2023: Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Vina Descon Việt Nam

Từ 10/2023 đến 4/2024 Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán - Công ty Cổ phần Freco Việt Nam

Từ 4/2024 đến nay Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Freco Việt Nam

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

- Họ và Tên: Nguyễn Anh Tuấn
- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1980 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh doanh và Quản lý
- Quá trình công tác:

Từ 6.2003 đến 6.2006: Chuyên viên/Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT

Từ 7.2006 đến 12.2010: Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đầu tư Công nghệ SOMONET Việt Nam

Từ 12.2010 đến nay: Tổng Giám Đốc – Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Số

Từ 4.2021 đến nay: Tổng Giám Đốc – Công ty Cổ phần InMeeting

Từ 11.2018 đến nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên – Công ty TNHH Đầu tư Phát triển phần mềm thế hệ mới

Từ 5.2022 đến nay: Giám đốc – Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông VOD Quốc tế

Từ 6.2016 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Dịch vụ Phần mềm và Nội dung số Việt Nam

Từ 10/2023 đến 4/2024 Thành viên HĐQT không điều hành, Thành viên Ủy ban kiểm toán - Công ty Cổ phần Freco Việt Nam

Từ 4/2024 đến nay Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán - Công ty Cổ phần Freco Việt Nam

Bà Trần Thị Việt Anh - Thành viên HĐQT không điều hành, Thành viên Ủy ban kiểm toán

- Họ và Tên: Trần Thị Việt Anh
- Ngày tháng năm sinh: 26/11/1982 Quốc tịch: Việt Nam

Từ năm 2012-2013: Kế toán viên – Công ty TNHH MTV Ứng dụng công nghệ mới và du lịch

Từ năm 2013-2022: Kiểm toán viên – Công ty TNHH Kiểm toán HSK Việt Nam

Từ năm 07/2022 – 06/2023: Chuyên viên Ban QL CTTV – Công ty CP Tập đoàn T&T

Từ 04/2023 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và Bất động sản Đại Hoàng Long

Từ 11/2022 đến nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán TMAX

Từ 06/2023 - 10/2023: Trưởng nhóm kế toán - Công ty CP Tập đoàn Sunshine

Từ 10/2023 đến 03/2024: Trưởng Ban TCKT - Công ty CP Đầu tư IRB và Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Thuận Phát

Từ 06/2024 đến 011/2024: Giám đốc Tài chính - Công ty CP Freco Việt Nam

Từ 11/2024 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty CP Freco Việt Nam

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
I	Hội đồng quản trị			
1	Ông Nguyễn Việt Hưng	Chủ tịch HĐQT	25/09/2015	
2	Ông Phan Văn Hùng	Thành viên HĐQT	29/10/2023	
3	Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên HĐQT	29/10/2023	
4	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	29/10/2023	
5	Bà Trần Thị Việt Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	29/10/2023	
II	Ban Tổng Giám đốc			
1	Phan Văn Hùng	Tổng giám đốc	07/09/2023	
2	Ông Đặng Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc	01/4/2024	
III	Ủy ban kiểm toán			
1	Đặng Tiến Sỹ	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	29/10/2023	26/3/2024
2	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Ủy ban kiểm toán	29/10/2023	26/3/2024
3	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	26/3/2024	
4	Bà Trần Thị Việt Anh	Thành viên	26/3/2024	

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
		Ủy ban Kiểm toán		
IV	Người quản lý khác			
1	Nguyễn Văn Quang	Giám đốc tài chính	12/6/2024	19/11/2024
2	Đặng Thị Hiền Giang	Kế toán trưởng	07/09/2023	19/11/2024
3	Nguyễn Văn Quang	Kế toán trưởng	19/11/2024	
4	Đinh Thúy Nga	Thư ký công ty kiêm Người phụ trách quản trị công ty kiêm Người được ủy quyền CBTT	07/09/2023	

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty cổ phần Freco Việt nam đang có 16 cán bộ, nhân viên. Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, giúp người lao động gắn bó lâu dài cùng sự phát triển của Công ty, Công ty đã có các chính sách phúc lợi, lương thưởng, đào tạo,... phù hợp với tình hình chung của doanh nghiệp. Cụ thể như sau.

Chính sách đào tạo:

Đào tạo nhân sự mới: Để hỗ trợ nhân viên mới nhanh chóng làm quen, hòa nhập với môi trường làm việc cũng như công việc, bộ phận nhân sự và các bộ phận chuyên môn liên quan sẽ thực hiện đào tạo ban đầu giúp nhân viên mới hiểu về nội quy, chính sách, cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như những nghiệp vụ chuyên môn liên quan.

Đào tạo nghiệp vụ: Trong suốt quá trình làm việc tại công ty, nhân viên nhiều kinh nghiệm sẽ theo sát, hướng dẫn công việc cho nhân viên mới/ nhân viên có ít kinh nghiệm hơn. Ngoài ra hằng năm, công ty thường xuyên tổ chức, thuê chuyên gia bên ngoài tổ chức các chương trình huấn luyện chuyên sâu về kỹ năng chuyên môn cũng như các kỹ năng mềm, phù hợp với từng bộ phận để hỗ trợ nâng cao hiệu quả trong quá trình làm việc.

Đào tạo nghiệp vụ quản trị điều hành: Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác điều hành, Công ty luôn tạo điều kiện cho các thành viên ban điều hành được đào tạo chuyên sâu về công tác quản trị nhằm nâng cao hiệu quả, vai trò của người quản lý.

Chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện dựa trên mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước, sẽ được thay đổi khi các quy định về lương tối thiểu của luật và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét điều chỉnh lương định kỳ hàng năm dựa vào kết quả đánh giá lại năng lực theo KPIs trong năm đối với mỗi cá nhân lao động.

Chính sách thưởng:

Dựa vào hệ thống đánh giá KPIs, Công ty thực hiện các mức thưởng cho người lao động. Cụ thể, hàng năm, công ty có các kỳ đánh giá kết quả làm việc của toàn thể cán bộ nhân viên dựa vào KPIs đã được đề ra từ

đầu năm. Mức thưởng sẽ dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của năm. Ngoài ra Công ty cũng thực hiện thưởng đột xuất khi CBNV có thành tích xuất sắc.

Chính sách phúc lợi:

Công ty phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở để xây dựng và ban hành các Chính sách phúc lợi áp dụng thống nhất trong toàn Công ty định kỳ hàng năm xem xét điều chỉnh, bổ sung nhằm tạo mức phúc lợi tốt nhất cho CBNV; qua đó tạo ra môi trường làm việc lý tưởng, duy trì đời sống sức khỏe, tinh thần của mọi người, góp phần tạo động lực, khích lệ CBNV đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Công ty. Các chính sách lớn có thể kể đến là:

Chính sách chăm sóc sức khỏe: Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Nhà nước như BHXH, BHYT, BHTN. Hằng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ toàn CBNV.

Các hoạt động phong trào, du lịch nghỉ dưỡng: Hàng năm, Công ty sẽ tổ chức các hoạt động phong trào cho CBNV, tạo điều kiện để tất cả CBNV cơ hội rèn luyện thể chất, tinh thần để làm việc tốt hơn. Không chỉ có vậy, đây là dịp để mọi người trong Công ty có thể gặp mặt, trao đổi, nâng cao sự gắn kết giữa các phòng ban trong Công ty. Ngoài ra, tùy thuộc vào mục tiêu và kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ hỗ trợ các hoạt động Team Building - nghỉ dưỡng cho CBNV và tài trợ du lịch thường niên cho CBNV và gia đình CBNV.

Chính sách khác: Công ty còn có những trợ cấp khác như trợ cấp thăm hỏi khi ốm đau, gia đình có tang; gia đình gặp khó khăn đặc biệt, nữ sinh con hoặc chồng có vợ sinh con, trợ cấp hỗ trợ công việc như phụ cấp điện thoại, tiền ăn trưa, chính sách hỗ trợ cho CBNV gắn bó với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

3.1.1 Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam

Ngày 26/6/2024, Hội đồng quản trị đã họp và thông qua Phương án nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam như sau:

- Tên cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam
- Tên Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam
- Mã số doanh nghiệp: 0109336255
- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa N02, GoldSeason, số 47 đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng: 1.220.000 cổ phần, tương ứng với 48,61% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam
- Giá trị giao dịch trên một cổ phần: 13.300 đồng/cổ phần
- Giá trị nhận chuyển nhượng: 16.226.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười sáu tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu đồng)
- Đối tượng giao dịch: Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam
- Thời gian thực hiện: Trong Quý 2 - 3 năm 2024
- Hiện trạng tài sản: Công ty đã tiếp quản và vận hành ổn định hệ thống.

3.1.2 Công ty Cổ phần Vinasolar Đồng Tháp

Ngày 26/12/2024, Hội đồng quản trị đã họp và thông qua Phương án nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Solar Đồng Tháp như sau:

- Tên cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Solar Đồng Tháp
- Tên Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Solar Đồng Tháp
- Mã số doanh nghiệp: 0109336304
- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa N02, GoldSeason, số 47 đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng: 335.000 cổ phần, tương ứng với 47,18% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Solar Đồng Tháp
- Giá trị giao dịch trên một cổ phần: 26.000 đồng/cổ phần
- Giá trị nhận chuyển nhượng: 8.710.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ bảy trăm mười triệu đồng)
- Đối tượng giao dịch: Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Solar Đồng Tháp
- Thời gian thực hiện: Từ Quý 4 năm 2024 đến Quý 1 năm 2025.
- Hiện trạng tài sản: Công ty đã tiếp quản và vận hành ổn định hệ thống.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

Trong năm 2023 - 2024, Công ty cổ phần Freco Việt Nam đã thực hiện đầu tư vào 02 công ty liên kết.

3.2.1 Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam

- Mã số doanh nghiệp: 0109336255
- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa N02, GoldSeason, số 47 đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số lượng cổ phần Freco nắm: 1.220.000 cổ phần, tương ứng với 48,61% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam

3.2.2. Cổ phần Vinasolar Đồng Tháp

- Mã số doanh nghiệp: 0109336304
- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa N02, GoldSeason, số 47 đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số lượng cổ phần Freco nắm: 335.000 cổ phần, tương ứng với 47,18% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Solar Đồng Tháp.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	2023	2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	103.929.166.890	96.415.731.012	-7,23%
Doanh thu thuần	95.944.664.636	82.082.937.114	-14,45%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.185.215.539	4.879.828.880	53,20%
Lợi nhuận khác	91.830.768	364.914.683	297,38%
Lợi nhuận trước thuế	3.277.046.307	5.244.743.563	60,05%
Lợi nhuận sau thuế	2.541.940.987	4.202.498.088	65,33%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024
1. Khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>	2,8	2,5
Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn</i>	2,5	1,9
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,3	0,2
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	0,4	0,3
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân</i>	1,3	0,8
Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần / Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	2,3	1,8
Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i>	11,3	10,3
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	2,6%	5,1%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	3,4%	4,2%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	4,6%	5,6%

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu	3,4%	6,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng/cổ phiếu) (*)	733	647

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2024	GHI CHÚ
1	Tổng số cổ phần phát hành	6.500.000	6.500.000	
	- Cổ phần phổ thông	6.500.000	6.500.000	
	- Cổ phần ưu đãi	0	0	
2	Số lượng cổ phần đang lưu hành	6.500.000	6.500.000	
3	Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-	
4	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	3.300.000	6.500.000	
5	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	3.200.000	-	

5.2 Cơ cấu cổ đông

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ
I	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI			
	Cổ đông trong nước	118	6.500.000	100%
1	- Nhà nước	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	118	6.500.000	100%
	Cổ đông nước ngoài			
2	- Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
	TỔNG CỘNG (1 + 2)	118	6.500.000	100%
II	CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG KHÁC			
1	Cổ đông lớn	6	3,676,000	56,55%

2	Cổ đông khác	112	2.824.000	43,45%
	TỔNG CỘNG (1 + 2)	118	6.500.000	100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.
- **Các chứng khoán khác:** Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không đáng kể
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.4. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không đáng kể
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không đáng kể

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

6.6.1 Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 16 người
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 10.000.000 đồng/tháng

6.6.2 Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hệ thống đãi ngộ Freco được phân thành 4 loại, gồm:

- Lương: lương kinh doanh, hoàn thành công việc (12 tháng); lương tháng 13 được thưởng vào dịp Tết Nguyên Đán.

- Phụ cấp: phương tiện đi lại, chi phí điện thoại, xăng xe, nhà ở;
- Thưởng: theo hiệu quả kinh doanh, thành tích thực hiện dự án/công việc; thưởng vào ngày lễ Tết trong năm;
- Phúc lợi xã hội: bảo hiểm xã hội/y tế/ thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người lao động; khám sức khỏe định kỳ và chế độ nghỉ mát, teambuildings.

6.6.3 Hoạt động đào tạo người lao động

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

- + Cấp Quản lý: Trung bình 40 giờ/năm.
- + Nhân viên: Trung bình 20 giờ/năm.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

- + Xây dựng một môi trường học tập liên tục bằng cách cung cấp truy cập vào các tài liệu học tập trực tuyến, khóa học trực tuyến và tài liệu đào tạo.
- + Khuyến khích việc chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm giữa các nhân viên thông qua các buổi thảo luận, nhóm làm việc, hoặc diễn đàn trực tuyến.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đánh giá hoạt động của Ban Điều Hành: Trong năm 2024 công ty đã kiện toàn lại Ban Điều Hành phù hợp với những thay đổi trong công ty. Ban Điều Hành đã phối hợp tích cực với HĐQT xử lý, tháo gỡ và có nhiều giải pháp nhằm xử lý các vướng mắc nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Ban Điều Hành đã triển khai nhiều giải pháp phù hợp với tình hình thực tế để cải thiện kết quả kinh doanh. Cụ thể, Công ty các chỉ tiêu đề ra như sau:
 - + Doanh thu thuần (thực hiện/ kế hoạch): 82 / 120 tỷ đạt 68%
 - + Lợi nhuận sau thuế (thực hiện/ kế hoạch): 4,2 / 4,8 tỷ đạt 86%
- Những tiến bộ công ty đã đạt được.
 - + Công ty đã kiện toàn HĐQT và Ban Điều Hành nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất - kinh doanh phù hợp với thời kỳ trong việc cơ cấu nguồn lực, ngành nghề để thích hợp với sự phát triển của nền kinh tế cũng như định hướng trung hạn và ngắn hạn của công ty dựa trên những thế mạnh của HĐQT và Ban Điều Hành.
 - + Trong năm 2024 công ty tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực điện năng lượng tái tạo được xem như là tiền đề trong định hướng chiến lược trung hạn và dài hạn của công ty.
 - + Trong năm đã mở rộng đầu tư kinh doanh sang lĩnh vực thi công cơ điện.
 - + Ngoài ra công ty đã và đang tìm kiếm và thu hút nhân tài để bổ sung nhân sự then chốt tổ chức lại cơ cấu bộ máy cho phù hợp với sự phát triển.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Danh mục Tài sản cố định tại ngày 31/12/2023 và 31/12/2024

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	31/12/2023		31/12/2024	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	39.909	35.260	35.027	32.332
1	Nhà xưởng và vật kiến trúc	2.300	2.060	2.300	1.968
2	Máy móc và thiết bị	32.727	32.545	32.727	30.364
3	Phương tiện vận tải	4.882	654		
II	Tài sản cố định vô hình	15.400	15.400	8.500	8.500
1	Quyền sử dụng đất	15.400	15.400	8.500	8.500
	TỔNG CỘNG	55.309	43.760	43.527	40.832

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

Trong năm 2024, tổng tài sản của công ty không có sự biến động. Công ty tích cực huy động các nguồn vốn để mua lại hệ thống điện mặt trời của Vinasolar Việt Nam và Solar Đồng Tháp để đáp ứng việc mở rộng hoạt động kinh doanh. Đây là động thái cho thấy cam kết triển khai mục tiêu phát triển mảng kinh doanh năng lượng tái tạo của Freco trong tương lai.

2.1 Tình hình nợ phải thu

Đơn vị: triệu đồng

STT	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU	Năm 2023	Năm 2024	+/- %
I	CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	42.928	15.547	-64%
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	39.921	11.517	-71%
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.007	39	
3	Phải thu ngắn hạn khác		3.990	
II	CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	-	-	
	TỔNG CỘNG	42.928	15.547	-64%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/03/2023 và 31/12/2024, Công ty không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn.

2.3 Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2023	Năm 2024	+/- %
I	NỢ NGẮN HẠN	21.481	12.265	-43%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	17.634	7.934	-55%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	234	
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	915	1.045	14%
4	Phải trả người lao động	187	271	45%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	60	64	6%
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	116	115	1%
7	Phải trả ngắn hạn khác	70	99	41%
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.500	2.500	0%
II	NỢ DÀI HẠN	10.000	7.500	-25%
1	Phải trả dài hạn khác	-		
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.000	7.500	-25%
	TỔNG CỘNG	31.481	19.765	-37%

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/03/2023 và 31/12/2024, Công ty không có bất kỳ các khoản phải trả quá hạn. Công ty thực hiện tốt việc thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ đến hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cơ cấu tổ chức: Trong năm 2024, Freco tiếp tục thực hiện việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp quản lý, điều hành. Thường xuyên tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của các phòng ban, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Chính sách và quản lý: Thực hiện chính sách nhằm tiết kiệm chi phí, đặt an toàn lao lên hàng đầu, đẩy mạnh kế hoạch mở rộng thị trường. Chú trọng hơn vào đào tạo nguồn năng lực chủ chốt, nâng cao nghiệp vụ quản lý và trình độ của cán bộ nhân viên để đáp ứng nhu cầu phát triển của Freco trong thời gian tới.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Mở rộng kinh doanh dịch vụ Logistics ra các địa bàn có các doanh nghiệp FDI/ KCN lớn theo xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng sang Việt Nam như: Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Nghệ An...
- Đầu tư phát triển năng lượng tái tạo. Trong kế hoạch 5 năm tới tăng đầu tư/ mua lại các dự án năng lượng tái tạo đem lại doanh thu bền vững từ 20 tỷ – 30 tỷ / 1 năm.
- Khai thác, chế biến khoáng sản là ngành kinh doanh trọng yếu chủ lực đồng thời là điều kiện để tích lũy và phát triển kinh doanh các lĩnh vực khác.
- Phát triển kinh doanh thi công Cơ điện, hợp tác toàn diện với tổng thầu CDC.

- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư/cụm công nghiệp/ khu công nghiệp phục vụ các nhà đầu tư nước ngoài và cũng là tiền đề cho phát triển năng lượng tái tạo kèm theo.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Không có

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Không có

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp tốt và thỏa mãn các yêu cầu của Ủy Ban Kiểm toán và luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ủy Ban Kiểm toán phát huy đầy đủ chức năng trong năm 2024.
- Ngoài ra để tạo sự gắn bó lâu dài của đội ngũ CBCNV. Hội đồng quản trị sẽ nghiên cứu triển khai việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
- Bên cạnh các nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đề ra, Công ty luôn quan tâm đến đời sống của CBCNV như chế độ BHXH, BHYT cũng như các phúc lợi xã hội khác.
- Đặc biệt trong năm đã tổ chức phân công lại HĐQT để nâng cao công tác quản trị theo định hướng chiến lược trung hạn/ dài hạn để phát triển Công ty trong thời kỳ mới.
- Năm 2024, Freco đã chú trọng gắn liền những lợi ích của xã hội và cộng đồng với quy mô hoạt động công ty. Cụ thể như sau:
 - + Cải thiện hệ thống quản lý để đảm bảo hoạt động SXKD hiệu quả, giảm thiểu tác động đến môi trường, xã hội và cộng đồng địa phương.
 - + Duy trì kiểm tra, giám sát hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc định kỳ và bất thường nhằm đảm bảo hoạt động SXKD không bị gián đoạn, giảm thiểu phát thải ra môi trường.
 - + Đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm và phát triển bền vững.
 - + Tìm kiếm mua lại các hệ thống năng lượng tái tạo phục vụ cho nhu cầu phát triển xanh của nền kinh tế
 - + Duy trì tăng trưởng doanh thu của Công ty giúp tạo ra việc làm cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Năm 2024 được đánh giá là năm vẫn còn nhiều khó khăn do tình hình kinh tế Việt Nam vẫn chưa phục hồi đồng thời tình hình hình thế giới có nhiều biến động khó lường. Ban Tổng Giám đốc đã có những nỗ lực đáng kể nhằm ổn định và duy trì sản xuất kinh doanh, cũng như triển khai hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết đã đưa ra trong Đại hội cổ đông thường niên 2024 đề, doanh thu tuy có sụt giảm nhưng lợi nhuận vẫn đạt ở mức cao, cũng như triển khai các chiến lược trung/ dài hạn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Mặc dù tình hình kinh tế, xã hội, chính trị xã hội dự báo vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong năm 2025, tuy nhiên với kết quả đã đạt được trong năm 2024 cùng với sự chuẩn bị kỹ càng về nguồn lực, sản phẩm, quyết tâm của đội ngũ lãnh đạo và cán bộ nhân viên, TAB tự tin sẽ hoàn thành được kế hoạch kinh doanh đề ra trong năm 2025

Chỉ tiêu hoạt động	Thực hiện Năm 2024	Kế hoạch Năm 2025	TĂNG TRƯỞNG
Doanh thu thuần	82.083	90.000	10%
Lợi nhuận sau thuế	4.202	4.665	11%

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng đã đưa ra chiến lược tiếp tục huy động nguồn vốn thông qua nhiều hình thức để bổ sung vào hoạt động kinh doanh của công ty, phục vụ được nhu cầu mở rộng sang các ngành nghề kinh doanh tiềm năng, Để đáp ứng được kế hoạch phát triển dài hạn của doanh nghiệp, Ban điều hành cũng đang tìm kiếm nhân tài từ các kênh khác nhau để bổ sung và kiện toàn đội ngũ nhân sự nhằm triển khai hiệu quả các kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Hội đồng quản trị sẽ triển khai tất cả các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua theo đúng trình tự và thời gian. Đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra liên tục, hiệu quả, thực hiện đúng theo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và pháp luật. Thực hiện phân công công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị một cách hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc hoạch định định hướng và giám sát kết quả triển khai của Ban Điều hành.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ NẮM GIỮ (%)
1	Ông Nguyễn Việt Hưng	Chủ tịch HĐQT	14,4%
2	Ông Phan Văn Hùng	Thành viên HĐQT	0%
3	Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên HĐQT	0%
4	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	0%
5	Bà Trần Thị Việt Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	2,31%

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Ủy ban kiểm toán được nêu tại phần V, mục 2.2.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã có 10 cuộc họp với nội dung và kết quả như sau:

STT	NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/2024/NQ- HĐQT-FRECO	06/3/2024	Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
2	02/2024/NQ- HĐQT-FRECO	26/3/2024	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm các chức vụ của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT	100%
3	03/2024/NQ- HĐQT-FRECO	01/4/2024	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%
4	04/2024/NQ- HĐQT-FRECO	12/6/2024	Thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc tài chính	100%
5	05/2024/NQ- HĐQT-FRECO	13/6/2024	Thông qua chủ trương nhận cấp tín dụng từ Tổ chức Tín dụng/Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng với Tổ chức tín dụng	100%
6	06/2024/NQ- HĐQT-FRECO	26/6/2024	Thông qua phương án nhận chuyển nhượng cổ phần, Công ty CP Vinasolar Việt Nam	100%
7	1209/2024/NQ- HĐQT-FRECO	12/9/2024	Thông qua việc đăng ký ngày giao dịch đầu tiên trên Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UpCom)	100%
8	07/2024/NQ- HĐQT-FRECO	06/11/2024	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2024	100%
9	08/2024/NQ- HĐQT-FRECO	19/11/2024	Thay đổi nhân sự cấp cao	100%
10	09/2024/NQ- HĐQT-FRECO	26/12/2024	Thông qua phương án nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Solar Đồng tháp	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Hội đồng quản trị của Freco hiện có 2 thành viên độc lập. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập là những chuyên gia có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, tài chính, đầu tư, kinh doanh. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đóng vai trò tham vấn, chất vấn và giám sát các hoạt động quản trị của công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành. Đồng thời đưa ra các ý kiến và giải pháp một cách khách quan, đảm bảo hoạt động HĐQT cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, minh bạch, vì lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Không có.

2. Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ NẮM GIỮ (%)
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	
2	Bà Trần Thị Việt Anh	Thành viên Ủy ban kiểm toán	2,31%

b) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

- Đánh giá hoạt động của Ủy ban kiểm toán

+ Ủy ban kiểm toán đã thực hiện việc giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

+ Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường;

+ Tại cuộc họp HĐQT, ban điều hành, Ủy ban kiểm toán đã đưa ra các ý kiến, quan điểm đảm bảo sự độc lập nhằm lưu ý những tồn tại, rủi ro trong hoạt động kinh doanh, công tác quản trị điều hành của Công ty, góp phần đạt được các mục tiêu mà ĐHCĐ giao

+ Xem xét báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính năm của Công ty;

+ Theo dõi tình hình công nợ phải thu, phải trả, tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước;

+ Ủy ban kiểm toán phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong hoạt động kiểm soát Công ty;

- Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán được thực hiện trong năm:

STT	THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Nguyễn Anh Tuấn	02/02	100%	100%	Không có
2	Bà Trần Thị Việt Anh	02/02	100%	100%	Không có

- Nội dung các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán:

+ Thảo luận, thống nhất về mục tiêu và kế hoạch hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

+ Tổng hợp, rà soát, đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông được ban hành trong năm 2024. Các cuộc họp định kỳ được triển khai đúng theo quy định, nội dung cuộc họp được ghi thành biên bản và đầy đủ chữ ký của các thành viên trong cuộc họp.

+ Tổng hợp, rà soát, đánh giá báo cáo kinh doanh và báo cáo tài chính quý và báo cáo năm của công ty, giám sát, đôn đốc các bộ phận liên quan kịp thời công bố thông tin định kỳ theo luật định.

+ Tổng hợp, rà soát, đánh giá việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty và các quy chế nội bộ, thực hiện thẩm định báo cáo tài chính; rà soát công tác quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ; góp ý và tư vấn nhằm khắc phục các vấn đề tồn đọng và nâng cao hiệu quả hoạt động và kinh doanh cho Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG, THƯỞNG, CÁC KHOẢN PHỤ CẤP KHÁC	THÙ LAO CỦA HĐQT	TỔNG CỘNG
Hội Đồng Quản Trị				
Ông Nguyễn Việt Hưng	Chủ tịch HĐQT	165.041.000	-	165.041.000
Bà Trần Thị Việt Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	-	-	-
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên độc lập HĐQT	-	-	-
Ông Phan Văn Hùng	Thành viên HĐQT	-	-	-
Ban Tổng Giám đốc				
Phan Văn Hùng	Tổng giám đốc	509.910.000	-	509.910.000
Ông Đặng Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc	130.247.000	-	130.247.000
Ủy ban kiểm toán				
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-	-	-
Bà Trần Thị Việt Anh	Thành viên Ủy ban kiểm toán	-	-	-
	TỔNG	805.198.000	-	805.198.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- Luật, Nghị định, Thông tư và Quy định về quản trị công ty, về hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, các văn bản luật có liên quan khác.
- Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Freco Việt Nam tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt được đính kèm theo Báo cáo thường niên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Việt Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

M.S.D.
T

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Freco Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Lãnh đạo (Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc ("Ban lãnh đạo")) đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Việt Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Đại diện theo pháp luật
Ông Phan Văn Hùng	Thành viên
Bà Trần Thị Việt Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/04/2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,



Nguyễn Việt Hưng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2025

Số: 54 /2025/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Freco Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Freco Việt Nam, được lập ngày 08/03/2025, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Freco Việt Nam tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0034-2023-055-1



Tạ Thị Thắm
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3676-2021-055-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.681.169.641	59.644.125.073
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.864.700.301	1.127.981.458
1. Tiền	111		864.700.301	1.127.981.458
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	6.174.247.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	6.174.247.500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.547.240.599	42.928.087.350
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.517.404.816	39.920.862.824
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.390.000	3.007.224.526
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.990.445.783	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	7.819.136.211	6.071.011.803
1. Hàng tồn kho	141		7.819.136.211	6.071.011.803
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.450.092.530	3.342.796.962
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		88.227.147	36.727.016
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.361.865.383	3.306.069.946
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.734.561.371	44.285.041.817
I. Tài sản cố định	220		40.831.991.186	43.759.949.626
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	32.331.991.186	35.259.949.626
- Nguyên giá	222		35.027.272.727	39.909.345.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.695.281.541)	(4.649.395.828)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	8.500.000.000	8.500.000.000
- Nguyên giá	228		8.500.000.000	8.500.000.000
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.882.500.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11	24.882.500.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		20.070.185	525.092.191
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		20.070.185	525.092.191
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.415.731.012	103.929.166.890

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		19.765.432.474	31.481.366.440
I. Nợ ngắn hạn	310		12.265.432.466	21.481.366.440
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	7.933.768.672	17.634.428.316
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		234.429.698	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.046.802.475	914.532.412
4. Phải trả người lao động	314		271.366.750	186.529.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		64.301.370	60.376.712
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		115.500.000	115.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		99.263.505	70.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	2.499.999.996	2.500.000.000
II. Nợ dài hạn	330		7.500.000.008	10.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	7.500.000.008	10.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76.650.298.538	72.447.800.450
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	76.650.298.538	72.447.800.450
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		65.000.000.000	65.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		65.000.000.000	65.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(90.909.091)	(90.909.091)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.741.207.629	7.538.709.541
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.538.709.541	4.996.768.554
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.202.498.088	2.541.940.987
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.415.731.012	103.929.166.890

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Đặng Thị Hiền Giang

Nguyễn Văn Quang

Nguyễn Việt Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	82.088.399.367	95.944.664.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	5.462.253	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16	82.082.937.114	95.944.664.636
4. Giá vốn hàng bán	11	17	71.401.769.988	90.447.570.133
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.681.167.126	5.497.094.503
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	90.869.027	1.266.240
7. Chi phí tài chính	22	19	995.770.303	259.902.832
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		968.599.316	251.439.232
8. Chi phí bán hàng	25	20	1.977.923.826	150.506.753
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	2.918.513.144	1.902.735.619
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.879.828.880	3.185.215.539
11. Thu nhập khác	31	21	412.691.243	228.451.100
12. Chi phí khác	32		47.776.560	136.620.332
13. Lợi nhuận khác	40		364.914.683	91.830.768
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.244.743.563	3.277.046.307
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.042.245.475	735.105.320
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.202.498.088	2.541.940.987
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	647	733

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đặng Thị Hiền Giang

Nguyễn Văn Quang

Nguyễn Việt Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2024	2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.244.743.563	3.277.046.307
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.480.751.120	1.196.558.707
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(244.946.244)	(229.717.340)
- Chi phí lãi vay	06	968.599.316	251.439.232
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.449.147.755	4.495.326.906
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	28.432.051.314	(34.673.354.426)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.748.124.408)	3.874.803.250
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.569.370.775)	12.977.777.808
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	453.521.875	(363.938.652)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	6.174.247.500	(6.174.247.500)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(974.674.658)	(226.469.137)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(682.733.328)	(552.249.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.534.065.275	(20.642.350.806)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(32.727.272.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	637.037.037	8.921.111.111
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(24.936.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.616.527	1.266.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.297.346.436)	(23.804.895.376)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	31.909.090.909
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	14.940.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.499.999.996)	(4.994.120.670)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.499.999.996)	41.854.970.239
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.736.718.843	(2.592.275.943)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.127.981.458	3.720.257.401
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.864.700.301	1.127.981.458

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đặng Thị Hiền Giang

Nguyễn Văn Quang

Nguyễn Việt Hưng



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Freco Việt Nam (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0107005554 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/09/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 27/12/2023.

Vốn điều lệ của Công ty là 65.000.000.000 đồng tương ứng với 6.500.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sàn giao dịch các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) kể từ ngày 27/09/2024 với mã chứng khoán là TAB.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 15 người (tại ngày 31/12/2023 là 16 người).

Trụ sở chính của Công ty tại số 2823, tòa C2 D'capitale, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất điện tử năng lượng mặt trời.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 2 công ty liên kết. Chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam	Tầng 5, tòa N02, GoldSeason 47 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội	48,61%	48,61%	Sản xuất điện tử năng lượng mặt trời
Công ty Cổ phần Solar Đồng Tháp	Tầng 5, tòa N02, GoldSeason 47 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội	47,18%	47,18%	Sản xuất điện tử năng lượng mặt trời

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 07

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình:

- Chi phí phát sinh có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu;
- Chi phí được xác định một cách chắc chắn và gắn liền với tài sản cố định vô hình cụ thể.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất lâu dài, theo đó Công ty không thực hiện trích khấu hao.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền bảo hiểm phương tiện vận tải, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền bảo hiểm phương tiện vận tải được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 1 năm

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.9. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư. Phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư được xác định căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của bên nhận đầu tư tại ngày trích lập dự phòng.

4.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản chi phí khác như: chi phí lãi vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

4.12. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Chi tiết việc ghi nhận doanh thu theo hoạt động của công ty như sau:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.17. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	138.380.370	276.721.018
Tiền gửi ngân hàng	726.319.931	851.260.440
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	-
Cộng	<u>4.864.700.301</u>	<u>1.127.981.458</u>

(*) Là khoản tiền gửi kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 1,6% - 3,2%/năm tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế	2.733.083.989	1.190.878.926
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải ACC	2.077.805.423	1.768.416.354
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ MDT	1.205.152.294	8.214.770.408
Công ty Cổ phần Xây dựng C.E.O	1.755.292.322	-
Công ty Cổ phần Sinotruk Việt Nam	-	7.941.500.000
Công ty TNHH HATNN	-	5.141.362.380
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô tải số 1 Việt Nam	-	4.980.000.000
Các khách hàng khác	3.746.070.788	10.683.934.756
Cộng	<u>11.517.404.816</u>	<u>39.920.862.824</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	123.300.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.755.588.783	-	-	-
Lợi nhuận dự thu	107.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Nguyễn Phúc (*)	2.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	4.557.000	-	-	-
Cộng	<u>3.990.445.783</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Là khoản góp vốn để hợp tác đầu tư trong giai đoạn đầu để cùng tham gia, triển khai thực hiện dự án xây lắp. Đến thời điểm này, dự án chưa triển khai được và các bên đang làm việc để thống nhất thanh lý hợp đồng. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá sẽ không có bất kỳ tổn thất nào liên quan đến hợp đồng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.179.397.266	-	-	-
Hàng hoá	5.639.738.945	-	6.071.011.803	-
Cộng	7.819.136.211	-	6.071.011.803	-

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2024	2.300.000.000	32.727.272.727	4.882.072.727	39.909.345.454
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.882.072.727)	(4.882.072.727)
Tại ngày 31/12/2024	2.300.000.000	32.727.272.727	-	35.027.272.727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2024	239.645.172	181.818.182	4.227.932.474	4.649.395.828
Khấu hao trong năm	92.000.004	2.181.818.183	206.932.933	2.480.751.120
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.434.865.407)	(4.434.865.407)
Tại ngày 31/12/2024	331.645.176	2.363.636.365	-	2.695.281.541
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	2.060.354.828	32.545.454.545	654.140.253	35.259.949.626
Tại ngày 31/12/2024	1.968.354.824	30.363.636.362	-	32.331.991.186
<i>Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp khoản vay ngân hàng</i>	-	30.363.636.362	-	30.363.636.362

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2024	8.500.000.000	8.500.000.000
Tại ngày 31/12/2024	8.500.000.000	8.500.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	8.500.000.000	8.500.000.000
Tại ngày 31/12/2024	8.500.000.000	8.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	31/12/2024				01/01/2024	
	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
			VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vinasolar Việt Nam	48,61%	48,61%	16.172.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Solar Đồng Tháp	47,18%	47,18%	8.710.000.000	-	-	-
Cộng			24.882.500.000	-	-	-

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, dựa trên báo cáo tài chính tự lập của các công ty liên kết (các báo cáo này đều có lãi từ hoạt động kinh doanh), Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá không phát sinh bất kỳ các tổn thất nào liên quan đến các khoản đầu tư này và theo đó, không cần phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Nhật Minh	2.704.581.792	2.704.581.792	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đông Thành	2.330.375.208	2.330.375.208	-	-
Công ty Cổ phần THT Holdings Việt Nam	559.533.932	559.533.932	10.120.590.278	10.120.590.278
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Gia Bảo	-	-	4.230.000.000	4.230.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Toàn Cầu	815.462.581	815.462.581	2.088.785.171	2.088.785.171
Các nhà cung cấp khác	1.523.815.159	1.523.815.159	1.195.052.867	1.195.052.867
Cộng	7.933.768.672	7.933.768.672	17.634.428.316	17.634.428.316

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	231.799.084	-	231.799.084	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	682.733.328	1.042.245.475	682.733.328	1.042.245.475
Thuế thu nhập cá nhân	-	32.121.813	27.564.813	4.557.000
Các khoản khác	-	7.500.000	7.500.000	-
Cộng	914.532.412	1.081.867.288	949.597.225	1.046.802.475

CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM

LUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

c thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.500.000.000	2.500.000.000	2.499.999.992	2.499.999.996	2.499.999.996	2.499.999.996
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	2.500.000.000	2.500.000.000	2.499.999.992	2.499.999.996	2.499.999.996	2.499.999.996
Vay dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	2.499.999.992	7.500.000.008	7.500.000.008
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	10.000.000.000	10.000.000.000	-	2.499.999.992	7.500.000.008	7.500.000.008
Cộng	12.500.000.000	12.500.000.000	2.499.999.992	4.999.999.988	10.000.000.004	10.000.000.004

Thông tin chi tiết các khoản vay còn dư tại ngày 31/12/2024 như sau:

Khoản vay	Hợp đồng vay	Mục đích vay	Số tiền vay	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	Hợp đồng tín dụng số 174871.23.831.304011 ngày 58.TD ngày 21/12/2023	Mua tài sản là hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty Cổ phần phát triển năng lượng BHT Bách Khoa tại KCN Aगतex - phường Long Bình - Tp. Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	12,5 tỷ đồng	60 tháng	Thả nổi	- Hệ thống điện mặt trời áp mái - Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 20/75731220002154 và 20/75731220002155 ngày 18/12/2020 với Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai

Lịch trả nợ vay dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Trong năm tiếp theo	VND	VND
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.499.999.996	2.500.000.000
	7.500.000.008	10.000.000.000
Cộng	10.000.000.004	12.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	33.000.000.000	-	4.996.768.554	37.996.768.554
Tăng vốn trong năm	32.000.000.000	(90.909.091)	-	31.909.090.909
Lãi trong năm	-	-	2.541.940.987	2.541.940.987
Tại ngày 01/01/2024	65.000.000.000	(90.909.091)	7.538.709.541	72.447.800.450
Lãi trong năm	-	-	4.202.498.088	4.202.498.088
Tại ngày 31/12/2024	65.000.000.000	(90.909.091)	11.741.207.629	76.650.298.538

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 đã thống nhất không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỉ lệ sở hữu	Giá trị	Tỉ lệ sở hữu
Ông Nguyễn Việt Hưng	9.360.000.000	14,40%	9.360.000.000	14,40%
Ông Lê Tuấn Tài	5.800.000.000	8,92%	5.800.000.000	8,92%
Ông Phạm Văn Hợp	5.800.000.000	8,92%	5.800.000.000	8,92%
Ông Vũ Hoài Nam	5.800.000.000	8,92%	5.800.000.000	8,92%
Bà Lâm Thị Huyền Trang	5.800.000.000	8,92%	5.800.000.000	8,92%
Ông Lê Hoàng Duy	5.800.000.000	8,92%	5.800.000.000	8,92%
Các cổ đông khác	26.640.000.000	41,00%	26.640.000.000	41,00%
Cộng	65.000.000.000	100%	65.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	65.000.000.000	33.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	32.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	65.000.000.000	65.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.500.000	6.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.500.000	6.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.500.000	6.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.500.000	6.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.500.000	6.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	40.081.801.907	75.861.869.671
Doanh thu bán điện	4.956.800.360	402.714.866
Doanh thu thi công cơ điện	4.137.769.001	211.398.000
Doanh thu dịch vụ vận chuyển và dịch vụ khác	32.912.028.099	19.468.682.099
Cộng	<u>82.088.399.367</u>	<u>95.944.664.636</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	5.462.253	-
Doanh thu thuần	<u>82.082.937.114</u>	<u>95.944.664.636</u>

17. GIÁ VỐN

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	34.077.698.219	73.853.273.486
Giá vốn bán điện	2.818.666.307	221.818.182
Giá vốn thi công cơ điện	3.991.282.938	191.855.401
Giá vốn dịch vụ vận chuyển và dịch vụ khác	30.514.122.524	16.180.623.064
Cộng	<u>71.401.769.988</u>	<u>90.447.570.133</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.616.527	1.266.240
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	35.752.500	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	53.500.000	-
Cộng	<u>90.869.027</u>	<u>1.266.240</u>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	968.599.316	251.439.232
Chi phí tài chính khác	27.170.987	8.463.600
Cộng	995.770.303	259.902.832

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán hàng	1.977.923.826	150.506.753
Chi phí nhân công	250.799.000	140.723.000
Chi phí vận chuyển	1.695.682.599	-
Chi phí khác	31.442.227	9.783.753
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.918.513.144	1.902.735.619
Chi phí nhân công	1.929.875.033	1.034.209.143
Chi phí dụng cụ, đồ dùng quản lý	78.100.769	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	62.423.914
Thuế, phí và lệ phí	8.447.651	8.496.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	895.877.930	259.897.270
Chi phí khác	6.211.761	537.708.932
Cộng	4.896.436.970	2.053.242.372

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	189.829.717	228.451.100
Các khoản khác	222.861.526	-
Cộng	412.691.243	228.451.100

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	491.456.541	4.673.996.320
Chi phí nhân công	2.607.522.783	2.476.689.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.480.751.120	1.196.558.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.482.328.371	9.684.223.540
Chi phí bằng tiền khác	158.449.923	1.003.775.209
Cộng	42.220.508.738	19.035.242.919

CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.244.743.563	3.277.046.307
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(33.516.188)	136.620.332
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	53.500.000	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	19.983.812	136.620.332
Thu nhập chịu thuế	5.211.227.375	3.413.666.639
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN bổ sung của các năm trước	-	52.371.992
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.042.245.475	735.105.320

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.202.498.088	2.541.940.987
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.202.498.088	2.541.940.987
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.500.000	3.466.575
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	647	733

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2024, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên.

25. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Công ty không có bất kỳ các bên liên quan nào khác.

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Nhận vốn góp của cổ đông	-	32.000.000.000
Ông Lê Tuấn Tài	-	5.800.000.000
Ông Phạm Văn Hợp	-	5.800.000.000
Ông Vũ Hoài Nam	-	5.800.000.000
Bà Lâm Thị Huyền Trang	-	5.800.000.000
Ông Lê Hoàng Duy	-	5.800.000.000
Bà Nguyễn Minh Uyên	-	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:**

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Việt Hưng	Chủ tịch HĐQT	165.041.000	184.572.000
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/10/2023) Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2024)	130.247.000	-
Ông Phan Văn Hùng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 08/09/2023)	509.910.000	91.890.000
Ông Đoàn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/09/2023)	-	118.840.000
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25/09/2023)	-	131.274.000
Cộng		805.198.000	526.576.000

Thù lao của Ủy ban kiểm toán/Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch UBKT (bổ nhiệm ngày 26/03/2024) Thành viên UBKT (bổ nhiệm ngày 29/10/2023)	-	-
Ông Đặng Sỹ Tiến	Chủ tịch UBKT (bổ nhiệm ngày 29/10/2023; miễn nhiệm ngày 26/03/2024)	-	-
Bà Trần Thị Việt Anh	Thành viên UBKT (bổ nhiệm ngày 26/03/2024)	-	-
Bà Vũ Lan Hương	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 29/10/2023)	-	-
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/10/2023)	-	-
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/10/2023)	-	-
Cộng		-	-

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đặng Thị Hiền Giang

Nguyễn Văn Quang

Nguyễn Việt Hưng